

Bản án số: 1126/2017/HNGĐ-ST

Ngày 17-10-2017

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Được

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn An Lập – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 739/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **112/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Đường T, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Bùi Thanh L, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Đường D, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 29 tháng 6 năm 2017 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là ông Huỳnh Văn Q trình bày: Ông và bà Bùi Thanh L chung sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống giữa ông và bà L có sự bất đồng về quan điểm nên thường xuyên có lời qua tị ếng lại dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông và bà L không còn chung sống với nhau từ năm 2012

cho đến nay. Ông Q yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thanh L. Về con chung: có 01 con chung tên là Huỳnh Duy K, sinh ngày 11/5/2000 ngoài ra không có con chung nào khác. Ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Theo bản tự khai lập ngày 11 tháng 9 năm 2017 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn là bà Bùi Thanh L trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn Q chung sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn giữa bà và ông Q phát sinh từ năm 2012 là do có sự bất đồng về quan điểm nên bà và ông Q không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Huỳnh Văn Q. Về con chung: có 01 con chung tên là Huỳnh Duy K, sinh ngày 11/5/2000 ngoài ra không có con chung nào khác. Bà L có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà L; Giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của ông Huỳnh Văn Q thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét ông Huỳnh Văn Q và bà Bùi Thanh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét việc ông Huỳnh Văn Q và bà Bùi Thanh L chung sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy việc ông Q và bà L chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông Huỳnh Văn Q khởi kiện xin ly hôn căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Văn Q và bà Bùi Thanh L.

[4] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống ông Q và bà L có 01 con chung tên là Huỳnh Duy K , sinh ngày 11/5/2000 ngoài ra không có con chung nào khác . Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Q đến khi bà L có yêu cầu. Việc thỏa thuận này của đương sự là không trái đạo đức xã hội , đúng với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con trẻ nên Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung : các đương sự xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn Q phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Văn Q và bà Bùi Thanh L.

2. Về con chung : Ông Huỳnh Văn Q và bà Bùi Thanh L có 01 con chung tên là Huỳnh Duy K, sinh ngày 11/5/2000 ngoài ra không có con chung nào khác. Giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Q đến khi bà L có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa

án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự xác định không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Huỳnh Văn Q phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0013073 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn